HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2024/NQ-HĐND	*Phú Thọ, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chế độ hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 5100/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ quần áo đối với người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú; mức hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc và nhân sự do cơ quan Công an, Y tế được điều động cử đến làm việc, hỗ trợ tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; các chính sách, chế độ khác không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú;

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, thời gian cai nghiện từ đủ 06 tháng trở lên và có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

c) Viên chức, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, điều động, biệt phái tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc; nhân sự do cơ quan Công an, Y tế được điều động cử đến làm việc, hỗ trợ tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 06 tháng trở lên;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ quần áo đối với người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú

Người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định, trở về địa phương nơi cư trú được cấp 01 bộ quần áo thường (nếu họ không có), thanh toán

theo thực tế với mức chi tối đa 330.000 đồng/bộ quần áo mùa hè hoặc 380.000 đồng/bộ quần áo mùa đông.

2. Mức hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

a) Mức ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Tiền ăn: 0,56 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

- Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh cho người cai nghiện tự nguyện là nữ: 0,63 lần mức lương cơ sở/người/đợt;

- Hỗ trợ chỗ ở (không thu tiền) đối với người cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Chế độ miễn với đối tượng chính sách

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh được miễn 100% các khoản đóng góp đối với các đối tượng sau:

- Thương binh;

- Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;

- Trẻ em mồ côi;

- Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

3. Mức chi chế độ trợ cấp đặc thù cho viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc; nhân sự do cơ quan Công an, Y tế được điều động cử đến làm việc, hỗ trợ tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc: 0,43 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách địa phương;

b) Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Việc lập dự toán, thu, chi, thanh quyết toán kinh phí cho công tác cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội; Chính phủ;
- VPQH,VPCP;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, TTDN[1], TTDN[2].

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Bùi Minh Châu